Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-18 15:28:05 +07:00

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2026/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15 và Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bảo tàng công lập quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Di sản văn hóa, ban hoặc trung tâm quản lý di tích ở địa phương, ban hoặc trung tâm quản lý di tích và cơ quan, tổ chức của Nhà nước ở trung ương sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Thông tư này là mức tối đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công trong các bảng định mức được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức xác định theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa (Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL); Thông tư số 15/2025/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa, thư viện, văn hóa cơ sở, thể dục thể thao, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và tuyên truyền viên văn hóa (Thông tư số 15/2025/TT-BVHTTDL); Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL);

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL; Thông tư số 15/2025/TT-BVHTTDL và Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL thì áp dụng theo Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đối tượng là công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này;

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc tại các bảo tàng công lập, ban hoặc trung tâm quản lý di tích ở địa phương, ban hoặc trung tâm quản lý di tích và cơ quan, tổ chức của Nhà nước ở trung ương không như quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan chủ quản của bảo tàng công lập, ban hoặc

trung tâm quản lý di tích ở địa phương, ban hoặc trung tâm quản lý di tích và cơ quan, tổ chức của Nhà nước ở trung ương xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc và tính mức hao phí theo thực tế bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá tổng định mức hao phí nhân công đối với dịch vụ tương ứng.

3. Các chi phí khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện như sau:

a) Chi phí chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan, dịch tài liệu, điện, điện thoại giao dịch, công tác phí, sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản trị bảo tàng, phần mềm, máy móc và thiết bị chuyên dụng, văn phòng phẩm, các chi phí quản lý, hoạt động chuyên môn dùng chung, hỗ trợ dịch vụ của đơn vị và các chi phí phát sinh khác, thì các bảo tàng công lập, ban hoặc trung tâm quản lý di tích ở địa phương, ban hoặc trung tâm quản lý di tích và cơ quan, tổ chức của Nhà nước ở trung ương áp dụng theo mức đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc lập dự toán riêng đối với công đoạn phát sinh ngoài định mức này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp thuê chuyên gia tư vấn, thực hiện theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

c) Các khoản chi phí thực tế, các dịch vụ thuê mướn, mua bán khác thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với các nội dung chi trả dịch vụ nếu thuộc hạn mức phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn của dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (08 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng 15% tổng hao phí lao động trực tiếp trong cùng bảng định mức;

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng trên tổng thời gian khấu hao máy với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí

trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng 10 % tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức bao gồm các nội dung sau:

a) Tên định mức;

b) Mô tả nội dung công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, bao gồm:

- Định mức hao phí nhân công: Chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số của thời gian thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) hoặc để hoàn thành một khối lượng công việc khác với đơn vị tính tại Bảng định mức.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể phù hợp với điều kiện của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

2. Bảo tàng công lập, ban hoặc trung tâm quản lý di tích ở địa phương, ban hoặc trung tâm quản lý di tích và cơ quan, tổ chức của Nhà nước ở trung ương sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ điều kiện thực tế để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

3. Khuyến khích bảo tàng, cơ quan, tổ chức ngoài công lập có triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

1. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức tham gia
I	**Khảo sát, đánh giá để lựa chọn di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**	
1	Khảo sát lựa chọn di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
2	Đánh giá sơ bộ di vật, cổ vật có khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Di sản văn hóa	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
3	Tổ chức hoạt động và chuẩn bị tài liệu cho của Hội đồng khoa học đánh giá, lựa chọn di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng III bậc 6/9 hoặc tương đương
II	**Chuẩn bị nội dung khoa học phục vụ xây dựng hồ sơ**	
1	Khảo sát điền dã, bổ sung thông tin khoa học, kiểm chứng thông tin liên quan đến di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
2	Xác minh rõ quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp của di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
3	Nghiên cứu, xác minh niên đại hoặc tổ chức giám định di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
4	Nghiên cứu, thu thập tư liệu và xác định nguồn gốc, xuất xứ của di vật, cổ vật	Hạng I bậc 2/6 hoặc tương đương
5	Nghiên cứu, đánh giá và xác định di vật, cổ vật là hiện vật gốc độc bản	Hạng I bậc 2/6 hoặc tương đương
6	Nghiên cứu, đánh giá và xác định di vật, cổ vật là hiện vật có hình thức độc đáo	Hạng I bậc 2/6 hoặc tương đương
7	Nghiên cứu, đánh giá và xác định di vật, cổ vật đủ tiêu chí là bảo vật quốc gia	Hạng I bậc 2/6

8	Phỏng vấn nhân chứng hoặc các chuyên gia liên quan, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh nội dung phỏng vấn	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
9	Tổ chức chụp ảnh đặc tả di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
10	Tổ chức làm bản dập bản dịch, bản vẽ và các chi tiết quan trọng của di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (nếu có) theo quy định	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
11	Thu thập tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
12	Thu thập tư liệu, ghi âm, ghi hình thể hiện sự độc đáo của hiện vật	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
13	Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
III	**Xây dựng hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**	
1	Xây dựng Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật đạt các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Di sản văn hóa	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
2	Tập hợp bản in ảnh di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
3	Tập hợp bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật theo quy định	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
4	Tập hợp bản sao, bản dập chữ, hoa văn và các chi tiết quan trọng của hiện vật lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (nếu có) theo quy định	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
5	Tập hợp bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật	Hạng III bậc 6/9 hoặc tương đương
6	Thu thập tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Tài liệu, sách, đề tài nghiên cứu về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử (nếu có) theo quy định	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương

7	Số hóa hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
IV	**Hội thảo khoa học góp ý hồ sơ**	
1	Chuẩn bị tài liệu và tổ chức Hội thảo khoa học góp ý hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
V	**Hoàn thiện hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**	
1	Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các nhà khoa học tại Hội thảo và hoàn thiện các sản phẩm của Hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng II bậc 2/8 hoặc tương đương
2	Tổ chức hoạt động và chuẩn bị tài liệu cho Hội đồng khoa học thẩm định hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
VI	**Gửi hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**	
1	Gửi hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
VII	**Lưu trữ hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**	
1	Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Hạng III bậc 3/9 hoặc tương đương
2	Số hóa hồ sơ lưu trữ	Hạng III bậc 3/9

2. Bảng định mức

Đơn vị tính: 01 hiện vật

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
A	**Nhân công**		
	Lao động trực tiếp		
I	**Khảo sát, đánh giá để lựa chọn di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**		
1	Khảo sát lựa chọn di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	3
2	Đánh giá sơ bộ di vật, cổ vật có khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Di sản văn hóa	Công	3
3	Tổ chức hoạt động và chuẩn bị tài liệu cho của Hội đồng khoa học đánh giá, lựa chọn	Công	2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
	di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia		
II	**Chuẩn bị nội dung khoa học phục vụ xây dựng hồ sơ**		
1	Khảo sát điền dã, bổ sung thông tin khoa học, kiểm chứng thông tin liên quan đến di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	4
2	Xác minh rõ quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp của di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	2
3	Nghiên cứu, xác minh niên đại hoặc tổ chức giám định di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	5
4	Nghiên cứu, thu thập tư liệu và xác định nguồn gốc, xuất xứ của di vật, cổ vật	Công	3
5	Nghiên cứu, đánh giá và xác định di vật, cổ vật là hiện vật gốc độc bản	Công	3
6	Nghiên cứu, đánh giá và xác định di vật, cổ vật là hiện vật có hình thức độc đáo	Công	3
7	Nghiên cứu, đánh giá và xác định di vật, cổ vật đủ tiêu chí là bảo vật quốc gia	Công	10
8	Phỏng vấn nhân chứng hoặc các chuyên gia liên quan, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh nội dung phỏng vấn	Công	2
9	Tổ chức chụp ảnh đặc tả di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	3
10	Tổ chức làm bản dập bản dịch, bản vẽ và các chi tiết quan trọng của di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (nếu có)	Công	5
11	Thu thập tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác	Công	3

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
	nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử		
12	Thu thập tư liệu, ghi âm, ghi hình thể hiện sự độc đáo của hiện vật	Công	5
III	**Xây dựng hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**		
1	Xây dựng Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật đạt các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Di sản văn hóa	Công	5
2	Tập hợp bản in ảnh di vật, cổ vật dự kiến lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số	Công	2
3	Tập hợp bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật theo quy định	Công	2
4	Tập hợp bản sao, bản dập chữ, hoa văn và các chi tiết quan trọng của hiện vật lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (nếu có) theo quy định	Công	2
5	Tập hợp bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật	Công	2
6	Thu thập tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Tài liệu, sách, đề tài nghiên cứu về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử (nếu có) theo quy định	Công	2
7	Số hóa hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	2
IV	**Hội thảo khoa học góp ý hồ sơ**		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Chuẩn bị tài liệu và tổ chức Hội thảo khoa học góp ý hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	2
V	**Hoàn thiện hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**		
1	Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các nhà khoa học tại Hội thảo và hoàn thiện các sản phẩm của Hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	3
2	Tổ chức hoạt động và chuẩn bị tài liệu cho Hội đồng khoa học thẩm định hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Công	3
VI	**Gửi hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**		
1	Gửi hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định	Công	0,5
VII	**Lưu trữ hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia**		
1	Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia	Công	1
2	Số hóa hồ sơ lưu trữ	Công	3
	Lao động gián tiếp (tương đương 15%)		
B	**Máy móc, thiết bị sử dụng**		
	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế
	Máy scan	Ca	Theo thực tế
	Máy ảnh	Ca	Theo thực tế
C	**Vật liệu sử dụng**		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
	Cặp lưu hồ sơ công việc	Chiếc	Theo thực tế
	Giấy dó dập di vật, cổ vật khổ A0	Tờ	Theo thực tế
	Mực màu dập di vật, cổ vật	Hộp	Theo thực tế
	Rulo con lăn dập di vật, cổ vật	Chiếc	Theo thực tế
	Hồ dẻo dập di vật, cổ vật	Hộp	Theo thực tế
	Thiết bị lưu trữ số	Chiếc	Theo thực tế
	Vật liệu phụ ***(tương đương 10%)***		

Ghi chú:

- Kinh phí chi công tác thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Kinh phí làm các xét nghiệm, phân tích thành phần, chất liệu đúng nội dung phục vụ xây dựng Hồ sơ hiện vật theo hợp đồng thực tế.

- Kinh phí thuê xét nghiệm hoặc đánh giá chuyên môn do tổ chức, cá nhân khác thực hiện phục vụ xây dựng Hồ sơ hiện vật (nếu cần) theo hợp đồng thực tế.

- Kinh phí thuê xe vận chuyển di vật, cổ vật khi đưa đi xét nghiệm, thực nghiệm tại cơ sở ngoài theo hợp đồng thực tế./.